

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày 01-6-2020
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vững

Bà Nguyễn Thị Thúy An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thống Nhất – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020, về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Lê Thiên G, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Ấp 6B, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Chị L có mặt, anh G có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Chị Nguyễn Thị Thúy L trình bày:* Năm 2011, chị và anh Nguyễn Lê Thiên G tìm hiểu nhau và tự nguyện về sống chung với nhau, không có tổ chức đám cưới và không đăng ký kết hôn. Chị và anh G sống chung với nhau khoảng 02 năm tại ấp 6B, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười. Sau đó, chị về sống tại ấp 3, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười cho đến nay. Trong thời gian chung sống, chị và anh G do không hợp tính tình dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Mặc dù, chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để duy trì hôn nhân, nhưng chị và anh G không hàn gắn được. Hiện tại, chị và anh G không còn quan tâm, lo lắng cho nhau. Nay chị thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn níu kéo được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu Tòa án ly hôn với anh Nguyễn Lê Thiên G

+ Quan hệ nuôi con: Có 01 con chung tên Nguyễn Trung Kiên, sinh ngày 17/02/2012, hiện Trung Kiên đang sống với anh Giang. Sau khi ly hôn, chị L đồng ý giao con chung cho anh G nuôi dưỡng.

+ Quan hệ tài sản: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

- *Anh Nguyễn Lê Thiên Giang trình bày:* Anh và chị L sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2011 và không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, anh và chị Liễu có mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

+ Quan hệ nuôi con: Anh thống nhất với lời trình của chị L, anh và chị L có 01 con chung tên Nguyễn Trung Kiên, sinh ngày 17/02/2012, hiện Trung Kiên đang sống với anh. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng Trung Kiên, không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Quan hệ tài sản: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo quy định của pháp luật bị đơn anh Nguyễn Lê Thiên G được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất đến phiên tòa sơ thẩm. Nhưng anh Nguyễn Lê Thiên G có làm đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội và quy định của pháp luật nên căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Lê Thiên G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh G do quen biết và tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, thời gian đầu cả hai có cuộc sống hạnh phúc. Lẽ ra, hai bên phải biết yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, giữ gìn hạnh phúc gia đình, nhưng trái lại chị L, anh G không tôn trọng tình cảm đã có, anh Giang không quan tâm, chăm sóc chị Liễu dẫn đến mâu thuẫn xảy ra. Hơn nữa, chị L và anh G không có giải pháp tích cực để hàn gắn tình cảm, điều đó chứng minh đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay chị Nguyễn Thị Thúy L yêu cầu Tòa án cho chị ly hôn với anh Nguyễn Lê Thiên G

Trong quá trình giải quyết, Tòa án thực hiện việc triệu tập đối với bị đơn anh Nguyễn Lê Thiên G tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh G có đơn xin xét xử vắng mặt. Đồng thời, tại Tờ tự khai đề ngày 07/5/2020, anh Giang đồng ý ly hôn với chị L. Điều này thể hiện anh G không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị L.

Mặt khác, Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm kết hôn năm 2011, thì chị L chỉ 16 tuổi, anh G 19 tuổi, như vậy việc kết hôn của chị L và anh G năm

2011 là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Cụ thể khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình 2000 ghi nhận: “Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:

1. Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên;”.

Bên cạnh đó, tại thời điểm năm 2015, chị L 20 tuổi, anh G 23 tuổi theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 có đủ điều kiện kết hôn, nhưng hai bên không đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

Cụ thể tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình 2014 quy định như sau:

“Việc kết hôn phải được đăng ký và do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Căn cứ theo khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Do đó hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Nguyễn Lê Thiên G không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy Liễu về việc ly hôn với anh Nguyễn Lê Thiên G không được chấp nhận.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Nguyễn Lê Thiên G là vợ chồng.

[3] Quan hệ nuôi con: Chị L và anh G thống nhất có một con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 17/02/2012. Anh G có yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung tên Trung K, không yêu cầu chị L cấp dưỡng và chị L cũng đồng ý giao con chung tên Trung Kiên cho anh G nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội và quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan hệ tài sản: Theo lời trình bày của chị L và nội dung tại Tờ tự khai ngày 07/5/2020 của anh G thì anh, chị thống nhất không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về nợ chung: Theo lời trình bày của chị L và nội dung tại Tờ tự khai ngày 07/5/2020 của anh G thì anh, chị thống nhất không có nợ ai, không có ai nợ anh, chị và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000326 ngày 24/02/2020 tại Chi cục thi

hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Nguyễn Thị Thúy L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Lê Thiên G không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Lê Thiên G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Nguyễn Lê Thiên G là vợ chồng.

- Quan hệ nuôi con: Anh Nguyễn Lê Thiên G được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 17/02/2012. Anh G không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy L cấp dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Thúy L, anh Nguyễn Lê Thiên G có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Chị Nguyễn Thị Thúy L có quyền thăm nom con mà không ai cản trở. Nếu chị Nguyễn Thị Thúy L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì Nguyễn Lê Thiên G có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Nguyễn Thị Thúy L.

- Quan hệ tài sản: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000326 ngày 24/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Nguyễn Thị Thúy L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Lê Thiên G không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Lê Thiên G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS Huyện;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (Diệu).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Diệu